|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG |  CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /BC-BCT |  Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018 |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ**

 **THƯƠNG MẠI THÁNG 4 VÀ 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

4 tháng đầu năm 2018, nền kinh tế thế giới vẫn chịu nhiều tác động của một số nhân tố bất ổn như: nguy cơ xung đột chiến tranh thương mại Mỹ Trung khi Mỹ áp dụng các biện pháp siết chặt thương mại, đầu tư với Trung Quốc; bất ổn chính trị và căng thẳng leo thang tại khu vực Trung Đông; tình hình chiến sự tại Syria; cùng với những thay đổi trong chính sách điều hành kinh tế của Mỹ - đặc biệt là việc áp thuế nhập khẩu nhằm bảo hộ hàng hóa trong nước… đã và đang ảnh hưởng rất lớn đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Ở trong nước, tình hình thời tiết, dịch bệnh không có diễn biến bất thường, xuất khẩu tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ, thị trường nội địa cơ bản ổn định, sản xuất công nghiệp giữ vững đà tăng trưởng.

Trong 4 tháng đầu năm 2018, Bộ Công Thương đã tích cực triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2018 và các Nghị quyết khác của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Triển khai thực hiện một cách thực chất, đồng bộ, hiệu quả những nội dung nhiệm vụ theo các chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết Trung ương 4, 5, 6 khóa XII và các Nghị quyết của Quốc hội nhằm thực hiện mục tiêu tái cơ cấu, đổi mới phương thức quản lý và tạo môi trường thuận lợi thông thoáng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, Bộ cũng đã tổ chức và tham gia tổ chức các Hội nghị chuyên đề về giải pháp tổng thể thúc đẩy xuất khẩu, phát triển Logistics, Hội nghị Thủ tướng đối thoại với nông dân... Một số kết quả đạt được như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

**1. Sản xuất công nghiệp**

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 4 ước tính tăng 1,5% so với tháng 3 và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng giảm 5% (chủ yếu do khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm); ngành chế biến, chế tạo tăng 12,3%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,6%; cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 2,6%.

Tính chung 4 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong các ngành công nghiệp, ngành chế biến, chế tạo tăng 14% (4 tháng/2015 tăng 10,1%; 4 tháng/2016 tăng 9,7%; 4 tháng/2017 tăng 9,2%); ngành sản xuất, phân phối điện tăng 9,7% (4 tháng/2015 tăng 11,5%; 4 tháng/2016 tăng 11,2%; 4 tháng/2017 tăng 9,3%); ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 5,5%; ngành khai khoáng giảm 1,2% (4 tháng/2016 giảm1,6%; 4 tháng/2017 giảm 9,7%). (Phụ lục 1).

**Biểu đồ 1: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**TRONG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2018 SO VỚI CÙNG KỲ**

Một số ngành công nghiệp có chỉ số sản xuất 4 tháng đầu năm 2018 tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất kim loại tăng cao với mức 16,3%; sản xuất trang phục tăng 10,3%; dệt tăng 12,1%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 12,1%; sản xuất đồ uống các loại tăng 9,6%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,7%… Một số ngành có mức tăng trưởng giảm hoặc tăng trưởng thấp hơn so với cùng kỳ tiếp tục tập trung chủ yếu ở lĩnh vực khai thác tài nguyên: Khai khoáng khác tăng 0,3%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 3,4%;...

Các sản phẩm công nghiệp tiếp tục có tốc độ tăng trưởng cao từ đầu năm như: sắt thép thô tăng 38,2%; alumin tăng 107,8%; tivi tăng 17,5%; vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo tăng 26,6%; quần áo mặc thường tăng 9,5%; bia các loại tăng 9,8%… Một số sản phẩm tăng trưởng giảm so với cùng kỳ năm trước như: Dầu thô khai thác giảm 8,7%; động cơ diezen giảm 6,5%; ô tô giảm 1,1%;... (Phụ lục 2).

Nhìn chung, chỉ số sản xuất công nghiệp 4 tháng năm 2018 tiếp tục đà tăng trưởng, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục có mức tăng trưởng khá ấn tượng, tăng 14% (cao hơn 4,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ); ngành sản xuất phân phối điện cũng tăng cao hơn so với mức tăng cùng kỳ là những yếu tố tạo động lực vững chắc để đạt được mục tiêu tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp.

Đánh giá cụ thể ở một số ngành như sau:

***1.1. Đối với ngành điện***

Nhìn chung, về tình hình cung cấp điện cho đời sống, sản xuất và sinh hoạt 4 tháng đầu năm 2018 đã được ngành Điện chủ động chuẩn bị tốt và thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra, đã đảm bảo an toàn, tin cậy, ổn định. Các nhà máy điện và lưới điện truyền tải vận hành ổn định.

Sản lượng điện sản xuất tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước, điện sản xuất tháng 4 ước đạt 17.016 triệu kWh, tăng 9,8% so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng đầu năm 2018, sản lượng điện sản xuất ước đạt 63.162,5 triệu kWh, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2017, cao hơn mức tăng của năm 2017 (tăng 9,3%).

Điện thương phẩm tháng 4 ước đạt 15.980 triệu kWh, tăng 13,8% so với tháng 3 và tăng 9,8% so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng đầu năm, điện thương phẩm ước đạt 58.189 triệu kWh, tăng 10,3% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng của năm 2017 (tăng 8,1%). 4 tháng đầu năm 2018 ghi nhận sự gia tăng về sản xuất và tiêu dùng điện so với cùng kỳ năm 2017 do nhu cầu từ sản xuất công nghiệp (công nghiệp chế biến, chế tạo tăng rất cao so với cùng kỳ); khu vực nông nghiệp vào mùa vụ, sự gia tăng của khách du lịch nên nhu cầu sử dụng điện cao.

***1.2. Đối với ngành than***

Trong tháng 4, ngành tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều hành sản xuất theo nhu cầu thị trường, tiếp tục tái cơ cấu, đổi mới công nghệ, hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tinh giản lao động để tăng năng suất, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm.

Sản lượng than sạch tháng 04 ước đạt 3,6 triệu tấn, tăng 2,5 % so với cùng kỳ, tính chung 4 tháng đầu năm ước đạt 13,69 triệu tấn, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng than sạch của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tăng 2,2% so với cùng kỳ.

***1.3. Đối với ngành dầu khí***

Sản xuất tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Các phát hiện dầu khí trong giai đoạn gần đây phần lớn có trữ lượng nhỏ, giá thành cao, giá dầu thấp nên hiệu quả kinh tế không cao dẫn đến số lượng công trình khai thác mới đưa vào để bổ sung sản lượng khai thác rất ít trong khi đó hầu hết các mỏ hiện tại đều đã khai thác trong thời gian dài dẫn tới suy giảm sản lượng tự nhiên hàng năm.

Sản lượng dầu thô khai thác tháng 4 ước đạt 1,2 triệu tấn, giảm 10,5% so với cùng kỳ năm 2017; khai thác khí đốt thiên nhiên ước đạt 0,9 tỷ m3, giảm 5,4%; khí hóa lỏng ước đạt 65,9 nghìn tấn, giảm 6,4% so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng đầu năm 2018, sản lượng dầu thô khai thác ước đạt 4,8 triệu tấn, giảm 9,7% so với cùng kỳ năm 2017; khai thác khí đốt thiên nhiên ước đạt 3,5 tỷ m3, tăng 3,1%; khí hóa lỏng ước đạt 289,3 nghìn tấn, tăng 6,2% so với cùng kỳ.

***1.4. Đối với ngành thép***

Tháng 4 năm 2018, hoạt động sản xuất sản xuất và kinh doanh thép xây dựng tiếp tục giữ ở mức ổn định. Lượng sắt thép thô ước đạt 1.430 nghìn tấn, tăng 4,9% so với cùng kỳ; lượng thép cán ước đạt 451,6 nghìn tấn, tăng 3,3% so với cùng kỳ; lượng thép thanh, thép góc ước đạt 573,4 nghìn tấn, tăng 27,3% so với cùng kỳ.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2018, lượng sắt thép thô đạt 4.419,6 nghìn tấn, tăng 38,2% so với cùng kỳ; thép cán đạt 1.805 nghìn tấn, tăng 3,7% so với cùng kỳ; thép thanh, thép góc đạt 2.106 nghìn tấn, tăng 10,7% so với cùng kỳ.

Nhập khẩu thép các loại từ các thị trường trong tháng 4 giảm 22,2% về lượng và 5% về trị giá. Tính chung 4 tháng đầu năm 2018, nhập khẩu thép các loại giảm 24,6% về lượng và 6,4% về trị giá.

Ngành thép đang có sự tăng trưởng tốt chủ yếu do kinh tế trong nước tiếp tục duy trì ổn định, nhiều dự án hạ tầng, xây dựng, bất động sản được triển khai trong năm 2018. Đặc biệt, việc giải ngân vốn đầu tư công đã được Chính phủ chú trọng, triển khai ngay từ những tháng đầu năm, tạo tiền đề tốt cho tăng trưởng của ngành.

Dù gặp nhiều khó khăn do các vụ kiện phòng vệ thương mại ở nhiều quốc gia như: Hoa Kỳ, Australia, Indonesia, Malaysia, Thái Lan và Ấn Độ đối với sản phẩm thép xuất khẩu của Việt Nam nhưng sản xuất của ngành thép trong nước đã và đang tăng trưởng tốt. Đặc biệt, thép cũng chính thức trở thành một trong những mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch trên 1 tỷ USD chỉ sau 3 tháng đầu năm và đạt 1,3 tỷ USD trong vòng 4 tháng.

***1.5. Đối với ngành hóa chất, phân bón***

Sau đà tăng giá phân bón từ cuối quý 1/2018, thị trường phân bón thế giới trong tháng 4 không có biến động lớn, xu hướng ổn định hoặc giảm nhẹ. Nguồn cung phân bón từ Trung Quốc (nước sản xuất lớn) giảm do nhiều nhà máy nghỉ bảo dưỡng nhưng do tồn kho cao, nhu cầu từ các nhà nhập khẩu chưa mạnh và đang trong giai đoạn đàm phàn để mua giá thấp.

Trong nước, thị trường phân bón cũng đang biến động giảm dần, giao dịch chậm do một phần ảnh hưởng của xu hướng đi xuống của giá thế giới và do lượng hàng dự kiến cập cảng Sài Gòn tăng mạnh. Để giải phóng hàng ngay tại cảng, một số doanh nghiệp đã chào giá giảm mạnh so với hàng trong kho. Bên cạnh đó, do giá ure nhập khẩu giảm nên các nhà sản xuất ure nội địa cũng giảm giá chào trong bối cảnh nhu cầu phân bón đang trong giai đoạn thấp điểm khi vụ Đông Xuân tại các tỉnh miền Bắc đang chuẩn bị thu hoạch, vụ Hè Thu tại các tỉnh phía Nam đã xuống giống xong.

Dự báo trong thời gian tới, những bất ổn về chính trị trên thế giới có thể ảnh hưởng đến giá hàng hóa nguyên vật liệu, tuy nhiên do nguồn cung phân bón vẫn tốt nên giá phân bón sẽ khó có biến động lớn.

Sản lượng một số sản phẩm phân bón: 4 tháng đầu năm 2018, ước sản lượng phân đạm urê đạt 787,9 nghìn tấn, giảm 3,9% so với cùng kỳ; phân NPK khoảng 703,6 nghìn tấn, tăng 3,8% so với cùng kỳ; phân lân (TĐ Hóa chất VN) ước đạt khoảng 494 nghìn tấn, tăng 10,8% so với cùng kỳ; phân DAP (TĐ Hóa chất VN) ước đạt 164,6 nghìn tấn, tăng 41,6% so với cùng kỳ.

***1.6. Đối với ngành dệt may, da giày***

Tiếp tục đà tăng trưởng của Quý I năm 2018, ngành dệt may trong tháng 4 có nhiều kết quả tích cực: Chỉ số sản xuất ngành dệt tháng 4 tăng 2,1% so với tháng trước nhưng tăng 13% so với tháng 4 năm 2017, tính chung 4 tháng, chỉ số sản xuất ngành dệt đạt 12,1% so với cùng kỳ; chỉ số sản xuất trang phục 4 tháng tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2017.

Một số sản phẩm trong ngành đạt mức tăng trưởng so với cùng kỳ như: Vải dệt từ sợi tự nhiên ước đạt 171,6 triệu m2, tăng 3,7%; sản xuất vải dệt từ sợi tổng hợp và sợi nhân tạo ước đạt 336,1 triệu m2, tăng 26,2%; quần áo mặc thường ước đạt 1.492,1 triệu cái, tăng 9,5% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc trong 4 tháng đầu năm ước đạt 8,6 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ. Sản xuất ngành da và các sản phẩm liên quan 4 tháng đầu năm tăng trên 12% cao hơn so với mức tăng 3% của cùng kỳ năm trước. Các doanh nghiệp ngành dệt may, da giày đã có đơn hàng hết quý II, các doanh nghiệp vẫn đang tích cực sản xuất và tìm kiếm những đơn hàng mới.

***1.7. Đối với các ngành sản xuất chế biến thực phẩm và đồ uống***

Tháng 04 và 4 tháng năm 2018, sản xuất kinh doanh của ngành cơ bản duy trì mức tăng trưởng. Ngành sản xuất đồ uống tăng 9,6% so với cùng kỳ, trong đó sản phẩm bia tăng 9,8%, tuy nhiên mức tăng này tập trung chủ yếu ở các hãng bia nước ngoài, các thương hiệu bia trong nước sản xuất giảm và tăng trưởng thấp, bia Hà Nội sản xuất giảm 3,8%, bia Sài Gòn tăng trưởng ước chỉ đạt 1,9% so với cùng kỳ; ngành sản xuất thuốc lá tăng 3,5% so với cùng kỳ, trong đó sản xuất của Tổng công ty thuốc lá chỉ tăng 0,3%; sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 7,5% so với cùng kỳ. Đây là mức tăng cao hơn so với mức tăng của cùng kỳ năm trước.

***Nhận xét chung:***

Nhìn chung sản xuất công nghiệp 4 tháng đầu năm 2018 tiếp tục đà tăng trưởng tốt khẳng định tính đúng đắn trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành nhằm khơi thông nguồn lực cho sản xuất kinh doanh trong nước và đạt được những kết quả hết sức tích cực. 4 tháng đầu năm 2018, sản xuất công nghiệp tăng trưởng 11,4%, đây là mức tăng khá cao so với mức tăng 5,1% của cùng kỳ năm 2017 và mức tăng 7,4%; 9,6% của cùng kỳ năm 2016 và 2015. Trong đó:

- Sản xuất của nhóm ngành khai khoáng giảm 1,2%. Đây là mức giảm thấp so với các năm trước (cùng kỳ năm 2016 giảm 1,6%, năm 2017 giảm 9,7%). Trong đó, mức giảm chỉ tập trung ở khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên, giảm 3,4%. Nguyên nhân chính do hầu hết các mỏ đều đã khai thác trong thời gian dài và hiện tại đang trong giai đoạn cuối dẫn tới suy giảm sản lượng tự nhiên hàng năm từ 15% tới trên 30%. Ngoài ra, độ ngập nước sản phẩm các giếng đang khai thác cao, giới hạn về công suất của hệ thống thiết bị xử lý nước, một số mỏ có hiện tượng tạo muối và paraffin trong lòng giếng, có hiện tượng cát xâm nhập… làm giảm khả năng khai thác. Các ngành còn lại trong nhóm ngành khai khoáng đều có mức tăng trưởng dương.

- Sản xuất của nhóm công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng với mức tăng 14%. Đây là mức tăng khá cao so với cùng kỳ các năm trước (4 tháng/2015 tăng 10,1%; 4 tháng/2016 tăng 9,7%; 4 tháng/2017 tăng 9,2%) khẳng định công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực chính thúc đẩy mức tăng trưởng chung của toàn ngành. Nhóm mặt hàng có đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng là sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (tăng 26,6%); ngoài ra sản xuất của nhóm mặt hàng kim loại, dệt may, giày dép, thuốc hóa dược cũng tăng trưởng ở mức khá góp phần vào tăng trưởng chung.

- Chỉ số sản xuất và phân phối điện tăng trưởng 9,7% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng 9,3% của cùng kỳ năm 2017 là dấu hiệu tốt về sự gia tăng trong sản xuất.

**II. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI**

## 1. Xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu tháng 4 chững lại sau khi đạt mức cao kỷ lục trong tháng 3/2018, ước đạt 18,2 tỷ USD, giảm 13,9% so với tháng trước nhưng tăng 4,1% so với tháng 4/2017. Tính chung 4 tháng năm 2018, xuất khẩu hàng hóa ước đạt 73,76 tỷ USD, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2017. Đây là mức tăng cao hơn so với mức tăng của cùng kỳ năm 2017 (cùng kỳ năm 2017 tăng 16,6%). Với mức tăng trưởng cao sau 4 tháng đầu năm, xuất khẩu hàng hóa được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng vượt chỉ tiêu (tăng trưởng 10%) trong năm 2018.

- Trong tháng 4, xuất khẩu của khu vực khối DNNN ước tính chiếm 72,5% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của nước ta với 13,19 tỷ USD (bao gồm cả dầu thô), giảm 14,4% so với tháng 3/2018. Mặc dù vậy, tính chung 4 tháng đầu năm 2018 xuất khẩu hàng hóa của khối này vẫn tăng mạnh 19,4% so với cùng kỳ năm 2017.

- Kim ngạch xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước trong tháng 4 ước đạt 5 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng, kim ngạch xuất khẩu của khối cũng tăng tới 17,9% ước đạt 20,28 tỷ USD.

- Trong tháng 4/2018, nhìn chung xuất khẩu hầu hết các mặt hàng chủ lực đều giảm so với tháng trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện giảm 24,1%, điện tử, máy vi tính và linh kiện giảm 11,1%, hàng dệt may giảm 5,1%, giày dép giảm 7,8%, cà phê giảm 21,6%, thủy sản giảm 7,4%, dầu thô giảm 11,3%... Tuy nhiên, tính chung 4 tháng xuất khẩu các mặt hàng đều đạt mức tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm 2017. Điện thoại các loại và linh kiện tiếp tục dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu với 16,59 tỷ USD, tăng mạnh 36,8%, cho thấy nhóm hàng này đang ngày càng có đóng góp quan trọng đối với hoạt động xuất khẩu hàng hóa của nước ta.

 Đi vào chi tiết cho thấy:

a) Về mặt hàng xuất khẩu:

- Nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản: Trong số các nhóm hàng xuất khẩu chính chỉ có duy nhất nhóm hàng này có kim ngạch giảm so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng đầu năm, KNXK ước đạt 1,24 tỷ USD, giảm 11,3% so với cùng kỳ. Xuất khẩu nhóm hàng này giảm chủ yếu do xuất khẩu dầu thô giảm mạnh 41,4% về lượng và 24,9% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái do Việt Nam đang đối mặt với nguồn cung dầu khí ngày càng suy giảm, khai thác mỏ cũ khó hơn rất nhiều. Ở chiều ngược lại, kim ngạch xuất khẩu của các mặt hàng khác trong nhóm nhiên liệu và khoáng sản đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái, than đá tăng 21%, xăng dầu các loại tăng 11,2%, quặng và khoáng sản khác tăng 6,1%.

- Nhóm nông, lâm, thủy sản: KNXK 4 tháng đầu năm ước đạt 8,45 tỷ USD, tăng 11,8%. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, thủy sản cũng tăng trưởng khá cao đối với một số mặt hàng chính như: Thủy sản tăng 13%, rau quả tăng 26,2%, hạt điều tăng 33,5%, gạo tăng 38,3%,…

- Nhóm hàng công nghiệp chế biến: tiếp tục giữ vững vai trò đầu tàu xuất khẩu và đóng góp quan trọng vào mức tăng trưởng chung. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến chiếm 82,66% tổng kim ngạch xuất khẩu, với 60,97 tỷ USD, tăng mạnh 21,8% so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch xuất khẩu của các mặt hàng chủ lực trong nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục đạt mức tăng trưởng khá cao so với cùng kỳ năm ngoái như: Hàng dệt may (tăng 15,7%), máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (tăng 29,6%), điện thoại các loại và linh kiện (tăng 36,8%), sắt thép các loại (tăng 50,2%)…

b) Về thị trường xuất khẩu:

Xuất khẩu 4 tháng đầu năm tăng cao ở hầu hết các khu vực thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam. Trong đó, khu vực châu Á tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn và tăng cao hơn so với các khu vực thị trường châu Âu và châu Mỹ.

Đi vào chi tiết cho thấy:

- Theo khu vực thị trường: KNXK khu vực thị trường châu Á 4 tháng ước đạt 39,5 tỷ USD, tăng cao ở mức 25,1% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 53,59%. Khu vực thị trường châu Âu và châu Mỹ tiếp tục đà tăng trưởng, trong đó khu vực châu Âu có KNXK ước đạt 14,09 tỷ USD, tăng 15,5%; khu vực thị trường châu Mỹ có KNXK ước đạt 16,9 tỷ USD, tăng 9,8%.

- Theo quốc gia: Hoa Kỳ vẫn tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với KNXK ước đạt 14,06 tỷ USD, tăng 13,3% so với cùng kỳ. Tiếp theo là Trung Quốc với KNXK ước đạt 10,74 tỷ USD, tăng rất cao ở mức 29,5% so với cùng kỳ năm 2017.

## 2. Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu tháng 4 ước đạt 17,5 tỷ USD, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 4 tháng đầu năm, KNNK ước đạt 70,37 tỷ USD, tăng 10,1% so với cùng kỳ 2017.

Nhóm hàng cần nhập khẩu vẫn chiếm tỷ trọng lớn (88,8%) với tốc độ tăng trưởng 9,5%. Nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu vẫn tăng ở mức 16,9%.

Trong tháng 4/2018, có tới 48/53 mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch giảm so với tháng 3/2018. Trong đó, điện tử, máy tính và linh kiện giảm 18,9%, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng giảm 4,4%, bông giảm 15,4%, sợi dệt giảm 10,7%,… Một số mặt hàng có kim ngạch tăng có thể kể đến như: Rau quả tăng 2,9%, vải tăng 12%, sắt thép tăng 8,6%...

Tính chung 4 tháng năm 2018, nhập khẩu một số mặt hàng tăng cao so với cùng kỳ năm 2017 như: Điện tử, máy vi tính và linh kiện tăng 22,3%, đây cũng là mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu đạt cao nhất trong 4 tháng năm 2018; nhập khẩu vải tăng 10%; bông, sợi dệt tăng lần lượt là 26,6% và 24,8%; rau quả là một trong số những mặt hàng có kim ngạch tăng mạnh nhất với mức tăng lên tới 41%...

Kim ngạch nhập khẩu giảm ở một số mặt hàng như: Phân bón giảm 10,6%, thuốc trừ sâu giảm 7%, ô tô giảm 32,2%...

## Đi vào chi tiết cho thấy:

a) Các mặt hàng nhập khẩu:

- Nhóm hàng cần nhập khẩu: KNNK 4 tháng đầu năm ước đạt 62,547 tỷ USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ 2017. Một số mặt hàng nhập khẩu lớn có tốc độ tăng trưởng cao đáng lưu ý là: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, tăng 22,3%; chất dẻo nguyên liệu tăng 22,2%; xăng dầu các loại, tăng 31,6%; hóa chất, tăng 23,7%; kim loại thường khác tăng 33,7%. Hầu hết nhóm hàng này đều thuộc nhóm nguyên nhiên vật liệu đầu vào cơ bản phục vụ sản xuất và nhóm máy móc thiết bị cho mở rộng sản xuất.

- Nhóm hàng cần kiểm soát: Kim ngạch nhập khẩu 4 tháng ước đạt 4,52 tỷ USD, tăng 16,9% so với cùng kỳ. Sự gia tăng cao của nhóm tập trung vào nhóm máy ảnh, máy quay phim và linh kiện tăng 74,4%; sắt thép phế liệu, ước đạt 602 triệu USD, tăng cả về giá (64,3) và lượng (29,7%); rau quả ước đạt 445 triệu USD, tăng 41%; xe máy và linh kiện phụ tùng tăng 28,2%. Ở chiều ngược lại, nhập khẩu ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ ngồi được kiểm soát, giảm 54,5% so với cùng kỳ.

b) Về thị trường nhập khẩu:

- Về khu vực thị trường: Châu Á vẫn là khu vực thị trường nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam với KNNK ước đạt 56,3 tỷ, tăng 8,6% so với cùng kỳ 2017 và chiếm tỷ trọng 80,04%. Tiếp theo là khu vực châu Mỹ và châu Âu với KNNK ước đạt 5,91 tỷ USD và 5,02 tỷ USD, chiếm tỷ trọng tương ứng và 8,4% và 7,13%. Tốc độ tăng trưởng NK của hai khu vực thị trường này tương ứng là 21,7% và 12,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

- Về quốc gia: Các quốc gia châu Á vẫn là thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam. Đứng đầu là Trung Quốc với KNNK ước đạt 18,09 tỷ USD, tăng 6% và chiếm tỷ trọng 25,7%. Tiếp theo là Hàn Quốc với KNNK ước đạt 15,457 tỷ USD, tăng 7,2% và chiếm tỷ trọng 21,96%.

c) Về chủ thể nhập khẩu:

## Trong tháng 4/2018, kim ngạch nhập khẩu của khu vực kinh tế trong nước và FDI đều giảm lần lượt là 7,5% và 7,2% so với tháng 3/2018. Tính chung 4 tháng đầu năm 2018, kim ngạch nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước đạt 28,06 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2017; trong khi đó, nhập khẩu của khối doanh nghiệp FDI tăng 9,3%, đạt 42,3 tỷ USD.

## 3. Cán cân thương mại

Tháng 4, Việt Nam tiếp tục xuất siêu 700 triệu USD, qua đó nâng xuất siêu của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2018 lên 3,39 tỷ USD. Như vậy, cùng với kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh thì cán cân thương mại thặng dư khá cao được ghi nhận là một trong những điểm sáng trong hoạt động thương mại của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2018. Mục tiêu của Việt Nam là đến năm 2020 sẽ cân bằng cán cân thương mại, nhưng liên tục trong những năm gần đây Việt Nam đã có sự thặng dư thương mại. Đây là dấu hiệu đáng khích lệ nhằm đảm bảo dự trữ ngoại hối, ổn định kinh tế vĩ mô.

## 4. Đánh giá chung

## Xuất nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2018 tiếp tục có mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2017. Với mức tăng trưởng cao sau 4 tháng đầu năm (19%), xuất khẩu hàng hóa được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng vượt chỉ tiêu (tăng trưởng 10%) trong năm 2018.

Đáng chú ý, song song với việc đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường có cam kết FTA với Việt Nam, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang một số thị trường lớn như Mỹ, EU… cũng có tốc độ tăng trưởng cao hơn trong những tháng đầu năm 2017. Điều này cho thấy sản phẩm hàng hóa của Việt Nam đang có sự thay đổi tích cực theo hướng có chất lượng tốt hơn, đáp ứng được nhu cầu từ các thị trường khó tính có đòi hỏi cao về chất lượng hàng hóa. Bên cạnh đó, công tác phát triển thị trường xuất khẩu thời gian qua đạt được những kết quả tích cực. Hàng hóa Việt Nam đã tiếp tục khai thác các thị trường truyền thống và mở rộng tìm kiếm, phát triển thêm nhiều thị trường mới.

Trong thời gian tới hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục khởi sắc với việc nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) có hiệu lực, được ký kết hoặc tiếp tục được triển khai trên phạm vi rộng hơn. Trong đó, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) dự kiến được ký kết trong năm 2018 sẽ là bước ngoặt mới trong chặng đường hợp tác thương mại giữa Việt Nam và các nước EU. Theo đó, sẽ tạo nhiều thuận lợi cho xuất khẩu hàng hóa nói chung và hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam nói riêng gia tăng thị phần tại thị trường này với những thuận lợi từ cam kết cắt giảm thuế quan và mở cửa hàng hóa vào thị trường EU. Đồng thời, xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản sang thị trường EU tiếp tục được hưởng Quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) cho giai đoạn 2017- 2019, đây được coi thuận lợi rất lớn cho doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam so với các nước xuất khẩu vào EU nhưng không được hưởng GSP.

Trong khi đó, nhu cầu nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản của Trung Quốc phục vụ sản xuất và tiêu dùng sẽ tiếp tục tăng mạnh trong năm 2018. Đây là cơ hội rất tốt để Việt Nam tiếp tục thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản sang thị trường Trung Quốc trong thời gian tới. Đặc biệt, việc Hiệp định thương mại Trung Quốc - Asean đã có hiệu lực, giúp trái cây, sữa nhập khẩu của Việt Nam vào thị trường này có thuế suất 0%, qua đó làm tăng khả năng cạnh tranh đối với hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tại thị trường Trung Quốc.

Tuy nhiên, xuất khẩu Việt Nam hiện đang phải đối mặt với nhiều rủi ro, đặc biệt là nguy cơ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, dẫn đến tâm lý nhà doanh nghiệp và nhà đầu tư bị lung lay; Chủ nghĩa bảo hộ thể hiện rõ ràng hơn trong năm 2018. Lần đầu tiên trong nhiều năm, Mỹ áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu đối với một số mặt hàng. Bên cạnh đó, nền kinh tế lớn nhất thế giới còn thay đổi quy tắc xuất xứ để “chống lẩn tránh” vào tôn xuất khẩu của Việt Nam. Ngày 15 tháng 3 năm 2018, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã thông báo áp thuế chống bán phá giá đối với các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra-basa của Việt Nam lên tới 2,39 USD/kg - 7,74 USD/kg trên cơ sở rà soát chính sách lần thứ 13 giai đoạn từ tháng 8/2015 đến hết tháng 7/2016. Đây là mức thuế cao nhất từ trước tới nay, cao gấp 3 lần so với kết quả công bố áp thuế của đợt rà soát lần thứ 12 trước đó mà cá tra Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ phải chịu và sẽ có tác động lớn tới xuất khẩu cá tra, basa của Việt Nam sang thị trường này. Bên cạnh đó, một số sản phẩm thép và nhôm nhập khẩu vào nước này sẽ phải chịu mức thuế 25% với thép và 10% với nhôm. Đây cũng là khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường này. Đối với nông sản, giá mặt hàng này tăng khá tốt trong năm qua nên khả năng tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu nhờ yếu tố giá không còn nhiều.

Trong khi đó, thị trường Trung Quốc cũng đã và đang có xu hướng đặt ra yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm, tăng cường quản lí và siết chặt nhập khẩu thương mại biên giới. Đây cũng là thách thức lớn cho xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam.

**4. Thương mại nội địa**

***4.1. Tình hình thị trường trong nước***

Thị trường trong nước tiếp tục được duy trì ổn định, các mặt hàng nông sản, thực phẩm sản xuất thuận lợi, nguồn cung tăng, giá giảm, riêng đối với mặt hàng thịt lợn quy mô chăn nuôi giảm mạnh, giá tăng so với cùng kỳ năm 2017. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội 2 tháng tăng 10,1%, 3 tháng tăng 9,9% và 4 tháng tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2017.

Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được đẩy mạnh nhằm ngăn chặn các hành vi tăng giá bất hợp lý, buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng nhập lậu, vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước 4 tháng đầu năm đạt 1.399.405 nghìn tỷ đồng, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2017, cao hơn mức tăng 9,6% của cùng kỳ năm 2017.

**Biểu đồ 5: TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ**

Xét theo thành phần kinh tế, tất cả các nhóm thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng tăng từ 9,4% - 10,8%, đặc biệt nhóm du lịch tăng 26,1% so với năm trước, cho thấy nhu cầu tham quan nghỉ mát, nâng cao đời sống của người tăng cao. Riêng nhóm dịch vụ tăng 3,2% (Phụ lục 7).

***Dự báo thương mại nội địa trong những tháng cuối năm:***

- Trong các tháng tiếp theo, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ sẽ chịu tác động bởi việc Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất cho vay ngắn hạn có thể tác động làm nhu cầu tín dụng cho tiêu dùng trong nước tăng; tỷ giá và lãi suất tương đối ổn định; số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ tăng sẽ góp phần duy trì mức tăng trưởng chung của tổng mức bán lẻ hàng hóa năm 2018.

- Việc điều chỉnh lương cơ bản từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 sẽ tác động đến nhu cầu tiêu dùng trong nước.

- Diễn biến thị trường các tháng cuối năm 2018 sẽ ít có những biến động bất thường, các yếu tố về nguồn cung vẫn được bảo đảm (giá có tăng do giá thế giới, tỷ giá, chi phí nhiên liệu... nhưng sẽ được kiểm soát từ phía nhà nước), các yếu tố từ phía cầu (thu nhập, niềm tin của người tiêu dùng) cũng khả quan.

***4.2. Hoạt động quản lý thị trường***

Trong tháng 4 năm 2018, Bộ Công Thương đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, kiểm tra, kiểm soát thị trường, trong đó một số văn bản đáng chú ý như: Kế hoạch số 2915/KH-BCĐ389 ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Ban Chỉ đạo 389 Bộ Công Thương về công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả năm 2018; Công văn số 451/QLTT-KSCLHH ngày 02 tháng 4 năm 2018 gửi Chi cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về việc tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm trong dịp “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2018; Công văn số 519/QLTT-CBL ngày 13 tháng 4 năm 2018 về tăng cường quản lý hàng hoá là hành lý, quà biếu, quà tặng từ nước ngoài vào Việt Nam… Đồng thời, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm; vi phạm sao chép tranh trên thị trường; chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường Hà Nội xác minh trang web có dấu hiệu bán hàng giả và triển khai các nội dung liên quan tới sơ kết 06 tháng thực hiện Chỉ thị 13/CT-BCT của Bộ Công Thương về việc tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng...

Theo báo cáo nhanh, trong tháng 4 năm 2018 lực lượng Quản lý thị trường kiểm tra trên 13.032 vụ; phát hiện, xử lý trên 8.130 vụ vi phạm; thu nộp ngân sách nhà nước gần 34,2 tỷ đồng, trong đó tiền phạt hành chính 26,1 tỷ đồng, tiền bán hàng tịch thu 8,1 tỷ đồng.

**V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

Tăng trưởng kinh tế trong năm 2018 được dự báo sẽ tiếp tục chuyển biến tích cực, kế thừa xu thế tăng trưởng từ năm năm 2017 nhờ sự gia tăng hoạt động trong các lĩnh vực chế tạo, xây dựng, thương mại, bán buôn và bán lẻ, ngân hàng và du lịch… Khu vực công nghiệp được kỳ vọng có bước bứt phá khi những nỗ lực từ phía Chính phủ trong tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp, nhằm thúc đẩy tăng trưởng được thực hiện triệt để và quyết liệt trong năm 2017 cũng sẽ phát huy hiệu quả trong năm 2018. Khu vực nông lâm và thủy sản sẽ duy trì ở mức tăng trưởng khá khi các giải pháp tháo gỡ khó khăn và phát triển nông nghiệp bền vững đang được triển khai tích cực và phát huy hiệu quả.

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn những thách thức phía trước, khi năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tuy có chuyển biến nhưng chưa thực sự đột phá. Ngoài ra, yếu tố động lực tăng trưởng ở cả tổng cung và tổng cầu như khai thác dầu, than, đóng góp của Samsung, kiều hối, FDI, tiêu dùng đều đã được tận dụng và khó có khả năng duy trì được mức tăng cao như trong năm 2017. Thêm vào đó thị trường lao động Việt Nam năm 2018 sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang và sẽ tác động đến mọi mặt của nền kinh tế và xã hội, đặc biệt là thị trường lao động. Cuộc cách mạng này vừa là cơ hội, đồng thời cũng là thách thức đối với thị trường lao động Việt Nam, đặc biệt là trong các lĩnh vực dệt may, điện tử, những ngành có nhiều lao động thủ công hoặc gắn với quá trình tự động hóa. Xác định được những khó khăn đó, Bộ Công Thương đã chỉ đạo các doanh nghiệp, các Sở Công Thương và các đơn vị trực thuộc tập trung triển khai nghiêm túc Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 19/2017/NQ-CP, Nghị quyết số 35/NQ-CP..., đồng thời tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

**1. Về sản xuất công nghiệp**

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất, giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Tập trung ưu tiên mọi nguồn lực để hoàn thành những công trình trọng điểm và then chốt nhằm gia tăng năng lực sản xuất; giải quyết cơ bản các khó khăn, tồn tại của những dự án kém hiệu quả, thua lỗ.

- Tổ chức tốt Hội nghị về thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ qua đó ghi nhận những ý kiến từ phía doanh nghiệp để có giải pháp hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam phát triển, tham gia vào chuỗi sản xuất của các Tập đoàn đa quốc gia, các nhà lắp ráp trong nước và trên thế giới.

- Tập trung phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm có thương hiệu quốc gia và có sức cạnh tranh trong chuỗi giá trị toàn cầu. Từng bước thực hiện các giải pháp nhằm chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp theo hướng giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp.

*-* Đẩy mạnh thực hiện Đề án Tái cơ cấu Ngành Công Thương theo hướng toàn diện hơn, qua đó gắn tái cơ cấu với mô hình phát triển kinh tế theo hướng tăng giá trị gia tăng, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển theo chiều sâu, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm lao động và nguyên vật liệu.

- Chỉ đạo và khuyến khích các doanh nghiệp chủ động lựa chọn phương án phù hợp trong đổi mới công nghệ sản xuất, chủ động nâng cao năng lực quản trị, chủ động tiếp cận và mở rộng thị trường; đồng thời phải xây dựng chiến lược kinh doanh, phương án kinh doanh khả thi cho doanh nghiệp nói chung và cho từng mặt hàng nói riêng.

**2. Về xuất nhập khẩu**

- Thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp lớn đã được đề ra tại Hội nghị toàn quốc giải pháp về thúc đẩy xuất khẩu năm 2018. Trong đó các nhóm giải pháp tác động vào phía cung, bao gồm các giải pháp tập trung vào đẩy mạnh tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, tăng cường kiểm soát nguồn cung, định hướng sản xuất gắn với tín hiệu thị trường; từng bước nâng cao và ổn định chất lượng nông sản, thủy sản xuất khẩu. Nhóm giải pháp tác động vào phía cầu gồm các giải pháp đàm phán mở cửa và phát triển thị trường, các biện pháp nhằm duy trì thị trường xuất khẩu ổn định; tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu; tăng cường ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại và những biện pháp bảo hộ không phù hợp với cam kết quốc tế. Nhóm giải pháp có tác dụng hỗ trợ, tác động vào khâu tổ chức xuất khẩu, kết nối giữa cung và cầu, gồm các giải pháp nhằm cải cách thể chế, hoàn thiện hành lang pháp lý đối với hoạt động xuất khẩu; tăng cường và đổi mới công tác thông tin thị trường; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tháo gỡ khó khăn trong thanh toán, tín dụng, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất, xuất khẩu.

- Tiếp tục theo dõi sát diễn biến động thái của Hoa Kỳ và Trung Quốc trong vụ việc, phản ứng của các nước để phân tích tác động tới Việt Nam nhằm nắm bắt kịp thời các diễn biến và đề xuất biện pháp ứng phó kịp thời nhằm bảo vệ sản xuất trong nước, thúc đẩy xuất khẩu.

**3. Về thị trường nội địa**

- Tiếp tục các biện pháp để đưa Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” thực sự đi vào cuộc sống, gắn với thúc đẩy sản xuất và phát triển thị trường nội địa.

- Đẩy mạnh triển khai các chương trình xúc tiến thương mại nội địa để góp phần thúc đẩy tiêu thụ và sức mua trên thị trường. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường nội địa, thị trường miền núi, hỗ trợ các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, đưa hàng hóa về nông thôn, vùng biên giới, hải đảo.

- Kiên quyết nhất quán thực hiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phối hợp tốt với các địa phương triển khai các chương trình bình ổn thị trường, giảm thiểu hiện tượng đầu cơ, tích trữ hàng, hạn chế việc tăng giá tùy tiện ngoài thị trường

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương theo dõi sát diễn biến cung cầu hàng hóa, giá cả, thị trường trong nước, nhất là các mặt hàng thiết yếu; đồng thời tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện quy định về đăng ký giá, kê khai giá và việc chấp hành theo quy định của pháp luật về quản lý giá.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thị trường, tích cực ngăn ngừa buôn lậu, gian lận thương mại, hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng để bảo vệ sản xuất trong nước và quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Kinh tế Trung ương;- Bộ KHĐT;- VP TƯ Đảng;- VP Chính phủ;- UB Kinh tế của Quốc hội;- Mạng diện rộng VPCP;- Lãnh đạo Bộ;- Đảng uỷ Bộ;- Các Vụ (qua mạng nội bộ);- Lưu: VT, KH (14). | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG**  **Cao Quốc Hưng** |